ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 72 /2021/QĐ-UBND	*Thừa Thiên Huế, ngày 26 tháng 11 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 04/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 04 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính Quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3698/TTr-STC ngày 27 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 04/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế:

1. Bổ sung điểm e, Khoản 1, Điều 1 như sau:

"e) Các điểm, bãi thực hiện dịch vụ trông giữ phương tiện bị tạm giữ do vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông".

2. Bổ sung điểm c, Khoản 2, Điều 1 như sau:

"c) Chủ phương tiện hoặc người bị tạm giữ phương tiện, cơ quan, đơn vị ra quyết định tạm giữ phương tiện đối với xe bị tạm giữ do vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông.

Trường hợp phương tiện bị tạm giữ nhưng sau đó xác định người sử dụng phương tiện giao thông không có lỗi trong việc vi phạm hành chính hoặc bị áp dụng biện pháp tịch thu đối với tang vật, phương tiện hoặc tổ chức, cá nhân vi phạm được giao giữ, bảo quản phương tiện theo quy định tại Khoản 5 và Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 31/2020/NĐ-CP ngày 5/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2013/NĐ-CP ngày 03/10/2013 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính, thì không phải nộp tiền trông giữ phương tiện.

3. Bổ sung điểm đ, Khoản 3, Điều 1 như sau:

"đ) Mức giá cụ thể đối với dịch vụ trông giữ phương tiện giao thông bị tạm giữ do vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông áp dụng theo mức giá tối đa quy định tại Phụ lục III, kèm theo Quyết định này".

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, các thị xã, thành phố Huế và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 12 năm 2021.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Cục KTVBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công an tỉnh;
- VP: CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh và Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TC, NĐ.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Quý Phương

PHỤ LỤC III

GIÁ CỤ THỂ DỊCH VỤ TRÔNG GIỮ XE

Đối với tạm giữ xe do vi phạm trật tự an toàn giao thông

(Kèm theo Quyết định số 72 /2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh)

	Loại phương tiện	Mức thu	
		Đồng/xe/ngày đêm	Hợp đồng theo tháng (Đồng/tháng)
1	Xe đạp, xe đạp điện	3.000	30.000
2	Xe máy, xe máy điện, xe mô tô 2 bánh và các loại xe thô sơ khác	6.000	60.000
3	Xe mô tô 3 bánh, xe taxi, xe ô tô con 7 chỗ trở xuống	32.000	200.000
4	Xe ô tô chở người dưới 16 chỗ và xe tải có trọng tải dưới 2,5 tấn	50.000	350.000
5	Xe ô tô chở người từ 16-24 chỗ và xe tải có trọng tải từ 2,5-5 tấn	65.000	450.000
6	Xe ô tô chở người trên 24 chỗ, xe giường nằm xe tải có trọng tải từ trên 5 tấn và các loại xe container	80.000	600.000

Mức giá quy định nêu trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng./.